

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29-4-2021
“V/v Ly hôn giữa Chị D
và anh T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bình

2. Ông Tống Xuân Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 29-4-2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2021/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/ 2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1995.

Đăng Ký HKTT: Thôn K, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Tạm trú: Thôn H, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Bùi Ngọc T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn K, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Chị D, anh T đều có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày: Chị kết hôn với anh T là do đôi bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D vào tháng 01-2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, anh T không quan tâm đến chị, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân nhau từ tháng 10-2017 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân (viết tắt TAND) huyện H giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về con chung: Không có. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Bùi Ngọc T trình bày: Về điều kiện kết hôn như Chị D trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 10-2017 thì Chị D không về nhà anh chung sống với anh nữa. Trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn lớn mà chỉ do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10-2017 đến nay. Nay Chị D xin ly hôn anh cũng nhất trí. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và Chị D được ly hôn. Về con chung: Không có. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, người tham gia tố tụng đã chấp hành cơ bản đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho ly hôn giữa Chị D và anh T; về con chung: Không có; về chia tài sản chung: Chị D, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[2] Về tố tụng: Chị D khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh T trú tại Thôn K, xã D, huyện H. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện H, tỉnh Thái Bình. Chị D, anh T đều có đơn xin xử vắng mặt, vì vậy Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt Chị D, anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân:* Chị D kết hôn với anh T là do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D vào tháng 01-2017 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 10-2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau và sống ly thân từ tháng 10-2017 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho ly hôn giữa Chị D và anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con chung:* Không có.

[6] *Về chia tài sản chung và nợ chung:* Chị D, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[7] *Về án phí:* Chị D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị D và anh Bùi Ngọc T.
2. *Về nuôi con chung*: Không có.
3. *Về chia tài sản chung*: Không xem xét giải quyết.
4. *Về án phí*: Chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng Chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006346 ngày 15-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình, Chị D đã nộp đủ tiền án phí.
5. Chị D, anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Dương sự
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA huyện H;
- UBND xã D;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Nhân